TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-10-2022
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 06-10-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 25-4-2022, tranh chấp về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-9-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23-9-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D; nơi cư trú: Thôn 5, xã TrL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Dương Trọng Ph; nơi cư trú: Thôn 5, xã TrL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Lê Thị D, trình bày:

Chị và anh Dương Trọng Ph chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải và bản thân chị đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, chị và anh Ph đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định không còn tình cảm với anh Ph nữa nên chị đề nghị Tòa án, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Dương Trọng Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 02 con chung là Dương Thị Tr, sinh ngày 25-3-1997 và Dương Thị L, sinh ngay 13-6-2002. Hiện các con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Ph tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Dương Trọng Ph vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án nhưng tại biên bản lấy lời khai của đương sự, anh Ph trình bày. Về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Lê Thị D như nội dung chị D trình bày là đúng. Anh và chị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không Ph ký kết hôn. Quá trình chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm không tôn trọng nhau, anh và chị D cũng đã sống ly thân. Nay, chị D yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh là quyền của chị D, anh không có ý kiến gì. Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là Dương Thị Tr, sinh ngày 25-3-1997 và Dương Thị L, sinh ngay 13-6-2002. Hiện các con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về việc Không công nhận quan hệ vợ chồng là đúng quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Dương Trọng Ph; về con chung: Các con chung của chị D và anh Ph đều đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự

không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Lê Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" với anh Dương Trọng Ph, đều có nơi cư trú tại xã TrL, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã nhận được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng trong quá trình tố tụng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Dương Trọng Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh Ph đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay, xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên chị Lê Thị D đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Dương Trọng Ph. Quá trình giải quyết vụ án anh Ph không có quan điểm gì về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị D, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng anh Ph không đến, không có quan điểm gì về yêu cầu khởi kiện của chị D, đồng thời Toà án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương xác định được từ năm 1995 đến nay chị D và anh Ph không Ph ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Dương Trọng Ph.

[4] Về con chung: Chị D và anh Ph 02 con chung là Dương Thị Tr, sinh ngày 25-3-1997 và Dương Thị L, sinh ngay 13-6-2002. Các con chung đều đã

trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh Ph không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị D và anh Dương Trọng Ph.

2. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002242 ngày 25-4-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã TrL, huyện VB;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh